



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)
SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING – SHIP EVALUATION
 No.32, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC
 Tel: 028 38817289 Fax: 028 38817385
www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android. Công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 46/2019
 12/11/2019 – 18/11/2019

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số thuê tàu BDI tuần này giảm nhẹ và chỉ còn 1.338 điểm. Ở phân khúc handysize, tàu Prinsesa Maganda (28.361 dwt đóng 2012 Nhật DD 2/2020, SS 2/2022) được chủ tàu Nhật bán với giá 8,6 triệu đô la Mỹ, được biết tình trạng sàn hầm hàng tàu này kém, võng và biến dạng nhiều. Chủ tàu Thụy Sĩ sau khi bán tàu Thurgau (32.790 dwt đóng 2011 Trung Quốc DD/SS 9/2021) với giá 6,7 triệu đô la Mỹ tháng trước thì tuần này tiếp tục bán tàu Aargau (32.790 dwt đóng 2010 Trung Quốc DD/SS 7/2020) với giá 5,8 triệu đô la Mỹ, được biết tàu Aargau có rất nhiều khuyến cáo của đăng kiểm và mất ít nhất 2 tháng để khắc phục nên giá phải mềm hơn. Tàu Dora Oldendorff (33.108 dwt đóng 2010 Trung Quốc) được chủ tàu Đức bán với giá 5,8 triệu đô la Mỹ. Mức giá này tương đối rẻ do tàu sắp hạn lên đà đặc biệt (tháng 1/2020). Nhìn chung, giá tàu handysize đóng Trung Quốc giảm nhẹ so với tháng trước nhưng tàu đóng Nhật hầu như không giảm giá, do có ít tàu đang chào bán trên thị trường.

Ở mảng tàu dầu, tuần này báo cáo nhiều thương vụ tập trung ở các phân khúc MR đến LR. Ở phân khúc LR, tàu Berica (115.146 dwt đóng 2008 Nhật) được chủ tàu Hy Lạp mua với giá 28,7 triệu đô la Mỹ. Tàu này đã qua đà vào năm 2018 và được trang bị hệ thống xử lý nước dẫn. Trong khi đó ở phân khúc MR, tàu MR già là Ocean Topaz (44.999 dwt đóng 1999 Hàn) được hãng vận tải Trung Quốc là Forever Fortune Shipping mua với giá 7,5 triệu đô la Mỹ. So với tàu Ocean Quest cùng size được bán vào tháng 10 năm nay thì đây là mức giá hợp lý. Hãng tàu dầu Torm tuần này lại tiếp tục bán ra cặp tàu MR là Torm Alice và Torm Alexandra (49.999 dwt đóng 2010 Trung Quốc) với giá 17,5 triệu đô la Mỹ cho người mua Nhật Bản.

Name	Blt year	Blt place	Dwt	Buyers	Price m.usd	Comment
BULKERS						
Ocean Sapphire	2012	China	93,029	Bermudan, Golden	14.85	
Ocean Garnet	2010	China	93,018	Ocean	13.65	
Shelduck	2012	Korea	34,467	Undisclosed	9.50	SS Mar 2022, DD Apr 2020
Dora Oldendorff	2010	China	33,108	Turkish	5.80	SS/DD Jan 2020
Aargau	2010	China	32,790	Turkish	5.80	Poor condition, SS/DD Jul 2020
Atalanta	2001	Japan	32,256	Undisclosed	5.20	Double hull, box - shaped, SS/DD May 2021
Prinsesa Maganda	2012	Japan	28,361	Undisclosed	8.60	SS Feb 2022, DD Feb 2020

TANKERS						
Berica	2008	Japan	115,146	Greek	28.70	SS/DD passed 2018, BWTS
Seaways Portland	2002	Korea	112,139	Indian	12.50	
Fsl Piraeus	2006	China	109,672	Indonesian	20.00	
Fsl Perth	2006	China	109,672		20.00	
Torm Alice	2010	China	49,999	Japanese	17.50	
Torm Alexandra	2010	China	49,999		17.50	
Susanne Victory	2000	Japan	48,309	Undisclosed	9.00	Part epoxy / part zinc
Ocean Topaz	1999	Korea	44,999	Chinese, Forever Fortune Shipping	7.50	
CONTAINERS						
Mcp Villach	2008	China	7,664	Indonesian	3.35	629 teu, gless, non ceccular
OTHERS						

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Một số đơn hàng đóng mới trong tuần qua:

Type	Size	Price (m.usd)	No	Yard	Owners	Delivery	Comments
Tanker	158,000 dwt	61.00	2	Daehan Shipyard, Korea	Yasa Shipping, Turkey	2021	
Tanker	158,000 dwt	56.50	2	Daehan Shipyard, Korea	Metrostar Management, Greece	2021/2022	
Bulker	80,000 dwt	64.10	1	Namura Shipbuilding, Japan	Taiwan Navigation	FH 2022	
Bulker	60,000 dwt		1	Oshima Shipbuilding, Japan			
LPG	86,000 cbm	74.00	1	Huynhai H.I, Korea	KSS Line, Korea	2021	

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

Tiếp tục một tuần lễ trượt dài ở thị trường phân khúc **Panamax**, chỉ số giảm 1.392 đô la Mỹ, đóng cửa ở mức 8.972 đô la Mỹ. Tại Thái Bình Dương, Oldendoff chốt tàu Amalfi (75.206 dwt, 2009) nhận tại Dangjin qua East Australia và trả tại China với giá 8.500 đô la Mỹ. Tại thị trường Đại Tây Dương, Cargill chốt tàu Aspasia (82.004 dwt, 2016) nhận tại US Gulf và trả tại Continent với giá 13.000 đô la Mỹ cộng thêm 200.000 đô la Mỹ phí Ballast. Ở các tuyến một chiều, Cofco chốt tàu Omicron Sky (77.031 dwt, 2006) nhận tại East Coast South America và trả tại South East Asia với giá 14.600 đô la Mỹ cộng 460.000 đô la Mỹ phí Ballast. Đối với thị trường định hạn, Cargill chốt tàu Medusa (82.194 dwt, 2010) nhận tại Kunsan cho chuyến khai thác kéo dài 11-13 tháng và trả lại cảng bất kỳ với giá 11.000 đô la Mỹ.

Thị trường phân khúc **Supramax** tuần này mở đầu sôi nổi nhưng chìm dần vào giữa tuần. Chỉ số BSI giảm 984 đô la Mỹ so với tuần trước, đóng cửa ở mức 8.294 đô la Mỹ. Tại Đại tây Dương, tàu Pacific Talisman (61.415 dwt, 2016) được chốt nhận tại US Gulf và trả tại khu vực Singapore – Japan với giá 21.000 đô la Mỹ.







Tàu Hakata Queen (60.481 dwt, 2016) được chốt nhận tại Hamburg và trả tại East Mediterranean với giá 10.000 đô la Mỹ. Tại thị trường Ấn Độ Dương, tàu RHL Marta (53.807 dwt, 2007) được chốt nhận tại Bin Quasim qua Mina Sagr và trả tại East Coast India với giá 10.500 đô la Mỹ. Ở Thái Bình Dương, tàu PVT Sapphire (56.024 dwt, 2006) được chốt nhận tại Kohsichang qua Thailand và trả tại South China với giá 9.500 đô la Mỹ. Tàu Colomba (56.530 dwt, 2012) được chốt nhận tại Campha chở clinker và trả tại China với giá 9.000 đô la Mỹ trong khi đó tàu Nordic Tianjin (56.517 dwt, 2012) được chốt nhận tại Busan qua North Pacific và trả tại khu vực Singapore – Japan với giá 7.750 đô la Mỹ.

Tình hình tương tự ở thị trường phân khúc **Handy** với mức cước giảm ở hầu hết các tuyến. Chỉ số giảm xuống 414 đô la Mỹ so với tuần trước, chốt tuần ở mức cước 7.95 đô la Mỹ. Tại thị trường Đại Tây Dương, tin đồn tàu 34.000 dwt open East Coast South America được chốt đến Brazil với giá 12.000 đô la Mỹ và tàu Federica (36.612 dwt, 2012) open Skagen được chốt chở sắt vụn đến Sea of Marmara với giá khoảng 10.500 – 10.700 đô la Mỹ. Tại khu vực Black Sea, tin đồn tàu 28.000 dwt được chốt cho chuyến đi về Mediterranean với giá khoảng 8.500 đến 8.700 đô la Mỹ. Ở thị trường Thái Bình Dương, có rất ít báo cáo tuần này, danh sách các tàu đang chờ vẫn tiếp tục tăng lên trong khi lượng hàng hóa không đủ khiến mức cước mất cân bằng. Tại khu vực phía Nam, tàu Aroma 2 (28.509 dwt, 2009) open CJK được chốt qua Australia đến Fareast với giá 6.250 đô la Mỹ. Tại khu vực phía Nam, tin đồn tàu Dalarna (35.958 dwt, 2014) open Gresik được chốt chở alumina qua West Coast Australia đến Persian Gulf với giá 9.000 đô la Mỹ. Không có báo cáo giao dịch nào ở thị trường định hạn, nguyên nhân chính vẫn là do các chủ tàu chưa sẵn sàng giảm mức cước hiện nay.

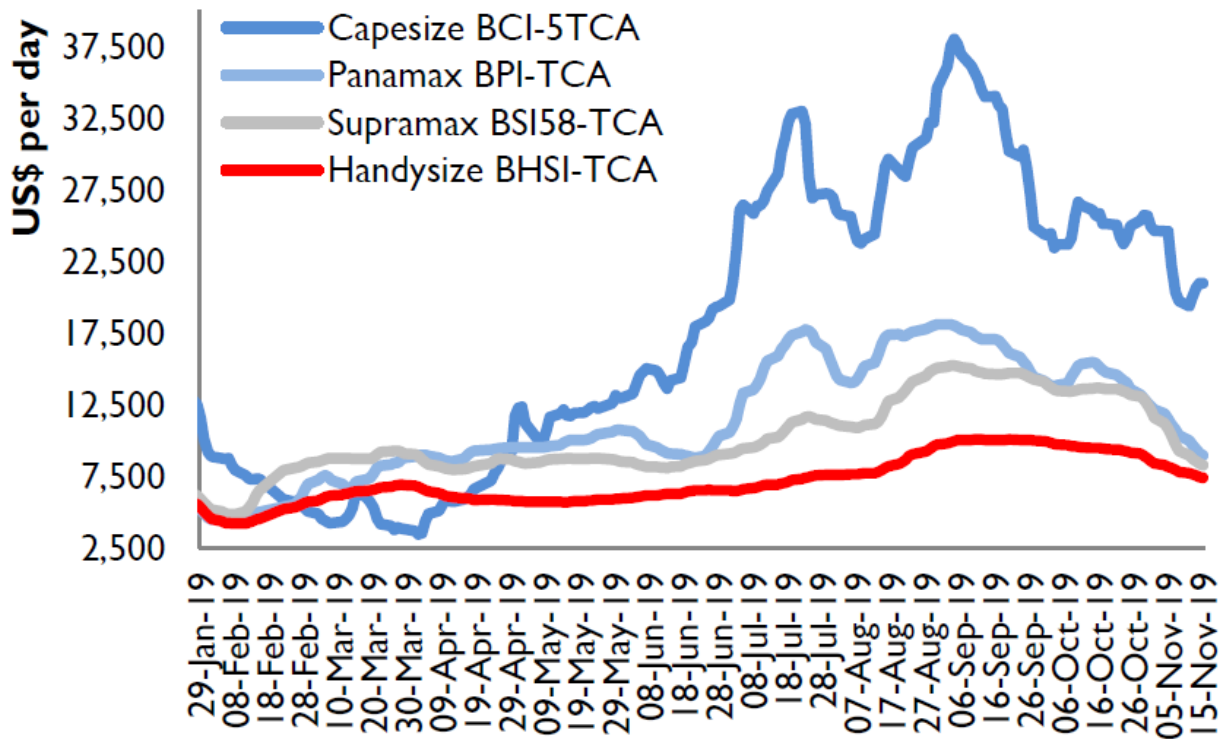
Bảng tham khảo cước một số khu vực trên thế giới trong Tuần 46 vừa qua:

RATES/PANAMAX (USD/DAY, USD/TON)	TUẦN 46	TUẦN 45	Mức thấp nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 46)	Mức cao nhất năm 2019 (cập nhật tới Tuần 46)
TRANSATLANTIC RV	7,790	9,410	2,200	21,345
TCT CONT/F.EAST	17,636	20,155	1,200	29,714
TCT F.EAST/CONT	3,948	5,011	810	6,589
TCT F.EAST RV	8,203	9,925	4,400	16,181
RATES/SUPRAMAXSIZE (USD/DAY)				
ATLANTIC RV	9,690	10,969	5,000	18,389
PACIFIC RV	8,250	9,957	5,800	12,786
TCT CONT/F.EAST	15,771	21,550	12,000	28,686

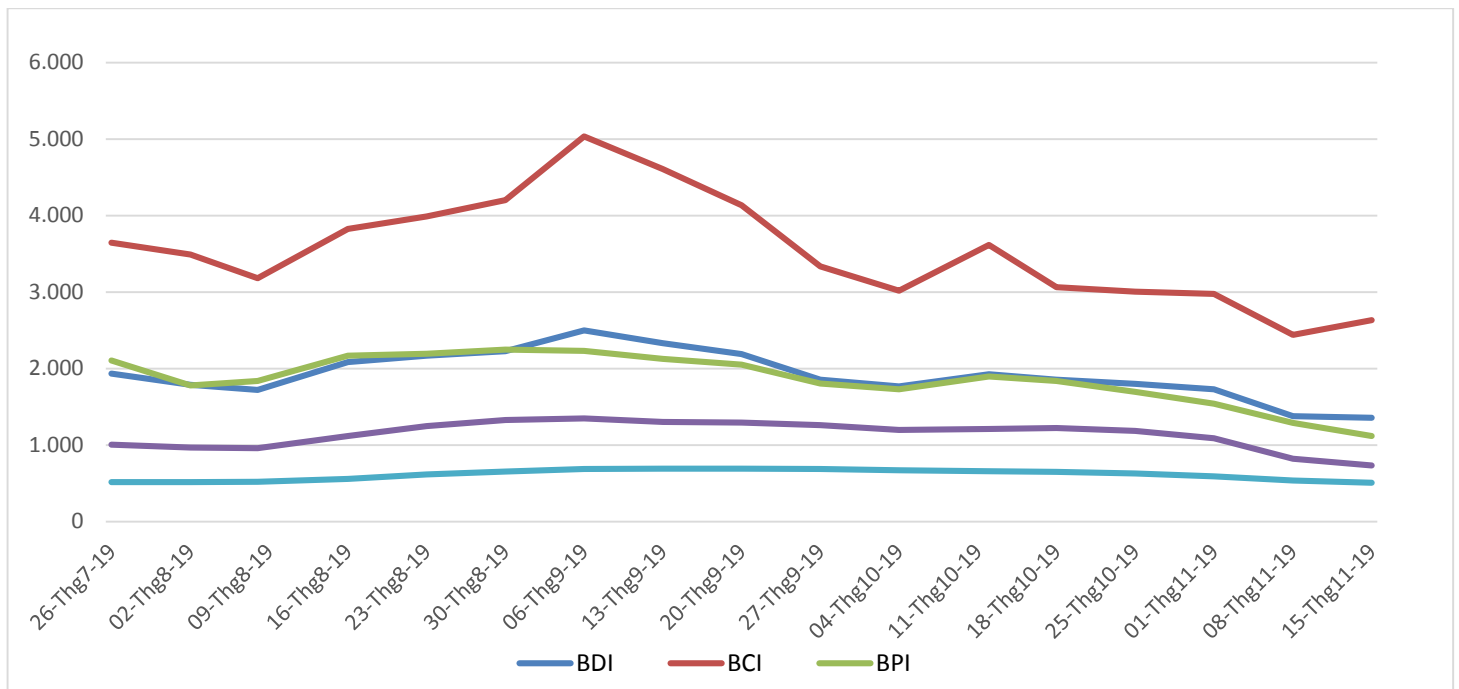
GIÁ THUÊ TÀU HÀNG KHÔ NGÀY 15/11/2019

	US\$/ngày	 / 
CAPE SIZE	20,970	 1,254
PANAMAX	8,972	 1,392
SUPRAMAX	8,294	 1,547
SMALL HANDY	7,395	 414

(sự tăng / giảm so sánh với giá trị tuần kế trước)



CHỈ SỐ TÀU THỊ TRƯỜNG HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu hàng dầu

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU VLCC

Mức cước các tuyến từ MEG vẫn tiếp tục giảm, có vẻ như các chủ hàng đang tìm kiếm mức giá tốt hơn ở đầu tháng 12 tới thay vì thời điểm hiện tại dẫn đến việc nguồn tàu cung ứng đang bị tồn đọng. Ở tuyến MEG/West, mức cước giảm nhẹ từ WS \$50 còn WS \$46, MEG/Japan giảm 10 điểm, riêng tuyến MEG/Singapore giảm đến 24 điểm và hiện đang dao động quanh mức WS \$75. Ở thị trường Đại Tây Dương cho thấy dấu hiệu khả quan, nhưng vẫn chưa đủ để phục hồi lại mức ổn định. Các chủ tàu đang hy vọng nguồn hàng sẽ dồi dào hơn vào tuần tới.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
MEG/West	VLCC	46,0	50,0	18,0	120,0
MEG/Japan	VLCC	75,0	85,0	38,0	180,0
MEG/Singapore	VLCC	76,0	90,0	38,0	180,0
WAFR/EAST	260.000	80,0	90,0	39,0	180,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	VLCC	50,000	50,000	55,000	28.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU AFRAMAX:

Sau cú trượt dài ở thị trường khu vực Baltic và North Sea, danh sách các tàu hiện nay đã được rút ngắn với nhu cầu hàng hóa tăng cao giúp mức cước đi vào ổn định lại. Tuyến N.Afr/Euromed tăng mạnh lên 25 điểm, hiện đang dao động quanh mức WS \$120. Tương tự, các tuyến khu vực Meds và Black Sea, thị trường đang dần nóng lên. Tuyến UK/Cont tăng 15 điểm trong khi tuyến Caribs/USG tăng 2.5 điểm và hiện đang dao động ở mức WS \$132,5. Mặc dù danh sách các tàu đang chờ vẫn còn dài tuy nhiên với lượng hàng hóa dồi dào hiện tại dự đoán thời gian tới mức cước sẽ bắt đầu ổn định trên các tuyến.

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
N.Afr/Euromed	80.000	120,0	95,0	80,0	225,0
UK/Cont	80.000	110,0	95,0	80,0	195,0
Caribs/USG	70.000	132,5	130,0	67,5	240,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	Aframax	26.000	26.000	26.500	18.000

❖ THỊ TRƯỜNG TÀU MR:

Phân khúc tàu MR phía đông Suez: Theo báo cáo, cước trên khu vực từ WC.India đi Japan tăng nhẹ 2 điểm, dao động quanh mức WS \$145. Trong khi đó ở thị trường Far East, cước trên tuyến S.Korea/Japan vẫn giữ nguyên mức WS \$330'

Phân khúc tàu MR phía tây Suez: Cước trên các tuyến thị trường phía tây tuần này giảm nhẹ so với tuần trước. Theo ghi nhận, cước trên tuyến UKC/USAC giảm 5 điểm, dao động quanh mức WS \$125. Riêng ở khu vực USG/UKC hiện vẫn giữ nguyên ở mức WS \$125

- Cước thuê tàu theo chuyến:

WS

Voyages	Size	RATE			
		This Week	Last Week	Low 2019	High 2019
WCI/Japan	38.000	145,0	143,0	105,0	230,0
UKC-Med/States	38.000	125,0	130,0	90,0	170,0
USG/UKC-Med	38.000	125,0	125,0	67,5	145,0

- Cước thuê tàu định hạn:

US\$

Period	Segment	RATE			
		This Week	Last Week	High 2019	Low 2019
1 year	MR	17.250	17.000	17.250	13.250

4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO (dành cho tàu có lt ldt > 5.000)

Xếp loại	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Bangladesh	330	▼ 30	340	▼ 40
2	Pakistan	340	▲ 5	360	▼ 10
3	India	350		365	▼ 5
4	Turkey	210		220	▲ 20

(đơn vị tính : usd/lt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 46/2019

Tên Tàu	Loại tàu	Năm Đóng	LDT	Nước phá dỡ	Giá (US\$/lt ldt)	Dwt	Comments
Navarino	Tanker	1994	22,165	Pakistan	380.00	147,048	Bunkers ROB incl in sale
Valaris 5006	Tanker	1986	7,280	Undisclosed	382.00	29,990	As is Colombo, bunkers ROB incl in sale
Starlink One	Ro Ro	1997	5,477	Pakistan	353.00	4,849	

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIÊN PHONG – PIONEER SHIPBROKERS MUA – BÁN TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.